

Hải Dương, ngày 16 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Điều dưỡng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 194/NQ-HĐT-ĐHKTYTHD ngày 02/4/2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Đại học;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 578/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương về việc Ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp về việc rà soát, điều chỉnh, nghiệm thu chương trình đào tạo hệ đại học theo học chế tín chỉ ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Điều dưỡng.

Điều 2. Căn cứ các chương trình đào tạo đã được ban hành tại Quyết định này, các Khoa, Bộ môn, Trung tâm liên quan có nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình theo đúng kế hoạch, hoàn thiện biên soạn tài liệu giảng dạy, kế hoạch bài giảng đảm bảo chất lượng đào tạo.

Chương trình đào tạo ban hành theo Quyết định này áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Quản lý đào tạo, Khảo thí & bảo đảm chất lượng giáo dục, Tổ chức cán bộ, Quản lý KHCN & HTQT, Tài chính kế toán, Công tác Quản lý sinh viên, các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành ./.

Nơi nhận:

- HĐT, BGH (để B/C)
- Như Điều 3;
- Lưu VT, QLĐT, TCCB.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đinh Thị Diệu Hằng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

(Kèm quyết định số 278/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 16/5/2022)

GIỚI THIỆU NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

- Ngành: Điều dưỡng/Nursing
- Mã số ngành đào tạo: 7720301
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân Điều dưỡng
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp : Cử nhân Điều dưỡng/Bachelor of Nursing
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tổng số tín chỉ: 138 (Chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

-Chuyên ngành Điều dưỡng đa khoa

- +Khoa quản lí: Điều Dưỡng
- +Website:<http://www.hmtu.edu.vn/Desktop.aspx/Dieu-duong/Bo-mon-dieu-duong/>
- +Facebook: Khoa Điều Dưỡng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Chuyên ngành Điều dưỡng Gây mê hồi sức

- + Khoa quản lí: Khoa Y
- +Website:<http://www.hmtu.edu.vn/Desktop.aspx/Gay-me/Bo-mon-gay-me-hoi-suc/>
- +Facebook: BỘ MÔN GÂY MÊ HỒI SỨC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Chuyên ngành Điều dưỡng Sản phụ khoa

- + Khoa quản lí: Khoa Y
- + Website:<http://www.hmtu.edu.vn>
- + Facebook: không có

- Chuyên ngành Điều dưỡng Nha khoa

- + Khoa quản lí: Khoa Y
- + Website:<http://www.hmtu.edu.vn>
- + Facebook: không có

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức chuyên ngành điều dưỡng và kỹ năng thực hành thành thạo; có kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm để giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành phục vụ nhu cầu chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng; có phẩm chất đạo đức điều dưỡng, tinh thần trách nhiệm cao, tác phong thận trọng, chính xác, chân thành và hợp tác với đồng nghiệp ; có khả năng tự học, có trình độ tiếng anh và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

MT1. Có kiến thức tổng quan về cấu trúc và chức năng của con người ở trạng thái bình thường và bệnh lý qua các thời kỳ trẻ em, người lớn, người cao tuổi làm nền tảng cho việc thực hiện kỹ thuật điều dưỡng chung, kỹ thuật điều dưỡng theo từng chuyên ngành và chăm sóc con người.

MT2. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, một số kỹ thuật điều dưỡng chuyên sâu, một số kỹ thuật theo từng chuyên ngành điều dưỡng sản, nha, gây mê, các kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu trong các tình huống khác nhau đảm bảo an toàn và hiệu quả.

MT3. Quản lý sử dụng thuốc cho người bệnh theo từng chuyên ngành đảm bảo an toàn, theo đúng các quy định về quản lý và sử dụng thuốc.

MT4. Nhận định đúng tình trạng người bệnh, lập kế hoạch chăm sóc phù hợp với nhu cầu chăm sóc của người bệnh và cá nhân trong cộng đồng

4.1. Điều dưỡng đa khoa: Tổ chức thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện, liên tục theo quy trình điều dưỡng phù hợp cho từng người bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

4.2. Điều dưỡng gây mê hồi sức: Tổ chức thực hiện chăm sóc người bệnh trước, trong, sau gây mê, người bệnh hồi sức và chống đau một cách toàn diện, hệ thống và an toàn trên cơ sở tài liệu khoa học và các tài liệu nghiên cứu đã được công nhận

4.3. Điều dưỡng sản phụ khoa: Tổ chức thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện liên tục theo quy trình điều dưỡng phù hợp cho chăm sóc sức khỏe người phụ nữ trước – trong – sau đẻ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

4.4. Điều dưỡng nha khoa: Tổ chức thực hiện công tác chăm sóc người bệnh răng hàm mặt trước, trong và sau điều trị một cách toàn diện; Thực hiện dự phòng và chăm sóc sức khỏe răng miệng ban đầu tại cơ sở y tế.

MT5. Thực hiện giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng theo quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

MT6. Quản lý và điều phối hoạt động trong nhóm chăm sóc; Quản lý, sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ và các nguồn lực khác hợp lý, hiệu quả, an toàn tại cơ sở y tế và cộng đồng.

MT7. Ứng dụng ngoại ngữ và tin học trong thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học. Áp dụng tư duy phản biện, sáng tạo, năng lực tự học và khả năng học tập suốt đời trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

MT8. Hành nghề phù hợp với năng lực chuyên môn, pháp luật của Nhà nước và Chuẩn đạo đức Điều dưỡng Việt Nam.

CHUẨN ĐẦU RA

PLO1: Có kiến thức tổng quan về con người

1.1. Điều dưỡng đa khoa: Vận dụng được kiến thức về đặc điểm cấu trúc, chức năng và tâm lý của con người ở trạng thái bình thường và bệnh lý để nhận định, đánh giá tình trạng sức khỏe qua các thời kỳ trẻ em, người lớn, người cao tuổi

1.2. Điều dưỡng gây mê hồi sức: Áp dụng được kiến thức giải phẫu sinh lý người bệnh liên quan đến quá trình gây mê hồi sức; ảnh hưởng của quá trình gây mê và phẫu thuật lên người bệnh để nhận định, đánh giá, tiên lượng tình trạng sức khỏe người bệnh trước, trong và sau gây mê phẫu thuật

1.3.Điều dưỡng sản phụ khoa: Vận dụng được kiến thức về đặc điểm cấu trúc, chức năng của cơ thể ở trạng thái bình thường và bệnh lý để nhận định, đánh giá tình trạng sức khoẻ qua các thời kỳ trẻ em, dậy thì, sinh sản, thai nghén, tiền mãn kinh và mãn kinh.

1.4.Điều dưỡng nha khoa: Vận dụng được kiến thức về đặc điểm cấu trúc, chức năng của cơ thể nói chung và răng hàm mặt ở trạng thái bình thường và bệnh lý để nhận định, đánh giá tình trạng sức khoẻ qua các thời kỳ trẻ em, người lớn, người cao tuổi

PLO 2: Kỹ năng thành thạo

1.1.Điều dưỡng đa khoa: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và một số kỹ thuật điều dưỡng chuyên sâu, kỹ thuật phục hồi chức năng đối với người bệnh đảm bảo an toàn. Thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời, hiệu quả trong các tình huống cấp cứu, dịch bệnh, thảm hoạ. Theo dõi, quản lý người bệnh sau sơ cứu, cấp cứu.

1.2.Điều dưỡng gây mê hồi sức: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức. Lập kế hoạch chăm sóc theo diễn biến người bệnh trong gây mê gây tê, hồi sức, dự phòng đau cấp tính sau phẫu thuật.

1.3.Điều dưỡng sản phụ khoa: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, kỹ thuật điều dưỡng chuyên ngành sản phụ khoa. Thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời, hiệu quả trong các tình huống cấp cứu sản khoa, dịch bệnh, thảm hoạ. Theo dõi, quản lý người bệnh sau sơ cứu, cấp cứu.

1.4.Điều dưỡng nha khoa: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, kỹ thuật điều dưỡng chuyên sâu về răng hàm mặt đối với người bệnh. Thực hiện sơ cứu, cấp cứu răng hàm mặt kịp thời, hiệu quả trong các tình huống cấp cứu, dịch bệnh, thảm hoạ. Theo dõi, quản lý người bệnh sau sơ cứu, cấp cứu răng hàm mặt.

PLO3: Dùng thuốc an toàn hiệu quả

1.1.Điều dưỡng đa khoa: Áp dụng các quy định, quy trình để quản lý, sử dụng thuốc cho người bệnh đảm bảo an toàn và hiệu quả

1.2.Điều dưỡng gây mê hồi sức: Quản lý, sử dụng thuốc thông thường và các thuốc trong gây mê theo y lệnh đảm bảo an toàn và hợp lý phù hợp với Luật Dược và các quy định của Bộ y tế.

1.3.Điều dưỡng sản phụ khoa: Quản lý, sử dụng thuốc cho thai phụ, người bệnh đảm bảo an toàn, theo đúng các quy định về sử dụng và quản lý thuốc.

1.4.Điều dưỡng nha khoa: Quản lý, sử dụng thuốc, vật liệu nha khoa cho người bệnh răng hàm mặt đảm bảo an toàn, theo đúng các quy định về sử dụng và quản lý thuốc.

PLO4: Chăm sóc an toàn và chất lượng

Áp dụng quy trình điều dưỡng dựa trên bằng chứng, có tư duy phản biện trong chăm sóc người bệnh, đảm bảo chăm sóc an toàn và hiệu quả.

PLO5: Lấy người bệnh làm trung tâm

Thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện, liên tục theo đúng quy trình điều dưỡng, phù hợp với văn hoá, tín ngưỡng, luật pháp Việt Nam, điều kiện kinh tế tạo sự an tâm, hài lòng cho người bệnh.

PLO6: Giao tiếp hiệu quả

Sử dụng kỹ năng giao tiếp phù hợp để thiết lập, duy trì hiệu quả các mối quan hệ với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp; đảm bảo thông tin chính xác, nhanh chóng, đúng phạm vi, chức trách, nhiệm vụ.

PLO7: Truyền thông, giáo dục sức khỏe

Tham gia xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu truyền thông, giáo dục sức khỏe. Sử dụng hiệu quả các phương tiện, phương pháp truyền thông, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng, đặc biệt trong phòng, chống dịch bệnh và thảm họa, thiên tai.

PLO8: Phối hợp và làm việc nhóm

Hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc để đưa ra các quyết định chăm sóc phù hợp trong thực hành nghề nghiệp, phối hợp thực hiện theo dõi, chăm sóc người bệnh đảm bảo an toàn, theo đúng quy định.

PLO9: Quản lý chăm sóc

Áp dụng các nguyên tắc cơ bản và các quy định trong quản lý chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, quản lý môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác để chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả.

PLO10: Nghiên cứu và cải tiến chất lượng

Tham gia được đề tài nghiên cứu khoa học điều dưỡng dưới sự hướng dẫn của chuyên gia và áp dụng được bằng chứng khoa học để cải tiến chất lượng chăm sóc.

PLO11: Phát triển nghề nghiệp và cá nhân

Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng và có tư duy phản biện nhằm đưa ra các quyết định trong thực hành nghề nghiệp; có trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc B1, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; tham gia hướng dẫn sinh viên; tích cực tham gia tuyên truyền quảng bá về nghề Điều dưỡng.

PLO12: Trách nhiệm đạo đức và pháp lý

Hiểu biết về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hành nghề theo quy định của Pháp luật, các quy định về Y đức và đạo đức điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (28 TC)														
1.1. Kiến thức chung (24TC)														
1	81331001	Triết học Mác – Lênin	3	0	0	3	0	0	3	0	0	3	0	0
2	81221002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
3	81222003	Chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH)	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
4	81222004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
5	81222005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
6	85441015	Tiếng Anh 1	4	0	0	4	0	0	4	0	0	4	0	0
7	85442016	Tiếng Anh 2	4	0	0	4	0	0	4	0	0	4	0	0
8	85442017	Tiếng Anh chuyên ngành	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
9	82311009	Tin học	1	2	0	1	2	0	1	2	0	1	2	0
1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành khoa học sức khỏe (4TC)														
10	82221108	Hóa học - Lý sinh	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
11	84021001	Sinh học và Di truyền	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (110 TC)														
2.1. Kiến thức cơ sở ngành (41TC)														
12	70432302	Giải phẫu - Sinh lý I	3	1	0	3	1	0	3	1	0	3	1	0

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
13	70432303	Giải phẫu - Sinh lý II	1	1	0	1	1	0	1	1	0	1	1	0
14	74223314	Sinh lý bệnh – miễn dịch	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
15	30221221	Hoá sinh	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
16	76330121	Dược lý Điều dưỡng	2	1	0	2	1	0	2	1	0	2	1	0
17	21321201	Vi sinh - Ký sinh trùng và Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	1	0	2	1	0	2	1	0	2	1	0
18	21401202	Điều dưỡng cơ bản 1	0	4	0	0	4	0	0	4	0	0	4	0
19	21402203	Điều dưỡng cơ bản 2	0	4	0	0	4	0	0	4	0	0	4	0
20	21401204	Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	1	1	0	1	1	0	1	1	0	1	1	0
21	60322105	Sức khoẻ và Nâng cao sức khoẻ	2	1	0	2	1	0	2	1	0	2	1	0
22	60222202	Dinh dưỡng	1	1	0	1	1	0	1	1	0	1	1	0
23	24224230	Tổ chức và Quản lý điều dưỡng	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
24	20221242	Tâm lý và đạo đức điều dưỡng	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
25	82321113	Xác suất thống kê	2	1	0	2	1	0	2	1	0	1	2	0
26	20324234	Nghiên cứu Điều dưỡng	2	1	0	2	1	0	2	1	0	2	1	0
2.2. Khối kiến thức chuyên ngành (61TC)														
2.2.1. Các học phần bắt buộc														
Điều dưỡng đa khoa (59TC)														
27	22223316	Dịch tễ học và điều dưỡng người bệnh	2	0	0									

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
		truyền nhiễm.												
28	22203317	Thực hành lâm sàng Điều dưỡng truyền nhiễm	0	0	2									
29	22223318	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	2	0	0									
30	22203319	Thực hành lâm sàng điều dưỡng hồi sức cấp cứu	0	0	2									
31	22223309	Điều dưỡng chuyên khoa (Mắt-Da liễu- TMH-RHM)	2	0	0									
32	23323326	<i>Điều dưỡng sản phụ khoa</i>	2	1	0									
33	23203327	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng sản phụ khoa</i>	0	0	2									
34	23323328	<i>Điều dưỡng trẻ em</i>	2	1	0									
35	23403329	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng trẻ em</i>	0	0	4									
36	22322308	<i>Điều dưỡng người lớn nội khoa 1</i>	2	1	0									
37	22322309	<i>Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1</i>	2	1	0									
38	22202310	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn nội khoa 1	0	0	2									
39	22202311	Thực hành lâm sàng	0	0	2									

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
		điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1												
40	22202312	<i>Điều dưỡng người lớn nội khoa 2</i>	2	1	0									
41	22322313	<i>Điều dưỡng người lớn ngoại 2</i>	2	1	0									
42	22202314	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn nội khoa 2	0	0	2									
43	22202315	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn ngoại khoa 2	0	0	2									
44	22203320	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn nội 3</i>	0	0	2									
45	22203321	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn ngoại 3</i>	0	0	2									
46	22213322	<i>Điều dưỡng người cao tuổi</i>	1	0	1									
47	22213323	<i>Điều dưỡng tâm thần</i>	1	0	1									
48	24224331	<i>Điều dưỡng cộng đồng</i>	2	0	0									
49	24204332	<i>Thực tập cộng đồng</i>	0	0	2									
50	50314320	<i>Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền</i>	1	2	0									
51	20203306	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng chuyên</i>	0	0	2									

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
		<i>khoa (Mắt-Da liễu-TMH-RHM)</i>												
Điều dưỡng gây mê hồi sức (59TC)														
27	22223316	Dịch tễ học và điều dưỡng người bệnh truyền nhiễm.				2	0	0						
28	22203317	Thực hành lâm sàng Điều dưỡng truyền nhiễm				0	0	2						
29	22223318	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu				2	0	0						
30	22203319	Thực hành lâm sàng điều dưỡng hồi sức cấp cứu				0	0	2						
31	17223309	Điều dưỡng chuyên khoa (Mắt-Da liễu-TMH-RHM)				2	0	0						
32	13113318	<i>Điều dưỡng Sản phụ khoa</i>				1	0	0						
33	13103319	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng SPK</i>				0	0	1						
34	14113305	<i>Điều dưỡng nhi khoa</i>				1	0	0						
35	14203306	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng nhi khoa</i>				0	0	2						
36	11222311	<i>Điều dưỡng người lớn nội khoa 1</i>				2	0	0						
37	12112305	<i>Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1</i>				1	0	0						

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
38	22202310	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn nội khoa 1				0	0	2						
39	22202311	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1				0	0	2						
40	11222312	<i>Điều dưỡng người lớn nội khoa 2</i>				2	0	0						
41	12112306	<i>Điều dưỡng người lớn ngoại 2</i>				1	0	0						
42	22202314	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn nội khoa 2				0	0	2						
43	22202315	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn ngoại khoa 2				0	0	2						
44	19412301	<i>Kỹ thuật lâm sàng gây mê hồi sức</i>				2	2	0						
45	19403302	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng gây mê hồi sức 1</i>				0	0	4						
46	19433303	<i>Gây mê gây tê 1</i>				3	1	0						
47	19423304	<i>Gây mê gây tê 2</i>				2	2	0						
48	19404305	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng gây mê hồi sức 2</i>				0	0	4						
49	19334306	<i>Điều dưỡng gây mê hồi sức chuyên khoa</i>				3	0	0						

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
		<i>bệnh lý 1</i>												
50	19504307	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng gây mê hồi sức 3</i>				0	0	5						
51	19224308	<i>Điều dưỡng hồi sức sau phẫu thuật – Quản lý đau</i>				2	0	0						
Điều dưỡng sản phụ khoa (57TC)														
27	22223316	Dịch tễ học và điều dưỡng người bệnh truyền nhiễm.							2	0	0			
28	22203317	Thực hành lâm sàng Điều dưỡng truyền nhiễm							0	0	2			
29	22223318	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu							2	0	0			
30	22203319	Thực hành lâm sàng điều dưỡng hồi sức cấp cứu							0	0	2			
31	17223309	Điều dưỡng chuyên khoa (Mắt-Da liễu-TMH-RHM)							2	0	0			
32	14113305	<i>Điều dưỡng nhi khoa</i>							1	0	0			
33	14203306	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng nhi khoa</i>							0	0	2			
34	11222311	<i>Điều dưỡng người lớn nội khoa 1</i>							2	0	0			
35	12112305	<i>Điều dưỡng người</i>							1	0	0			

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
		<i>lớn ngoại khoa 1</i>												
36	22202310	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn nội khoa 1							0	0	2			
37	22202311	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1							0	0	2			
38	11222312	<i>Điều dưỡng người lớn nội khoa 2</i>							2	0	0			
39	12112306	<i>Điều dưỡng người lớn ngoại 2</i>							1	0	0			
40	22202314	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn nội khoa 2							0	0	2			
41	22202315	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn ngoại khoa 2							0	0	2			
42	13324313	<i>Sàng lọc trước sinh – sơ sinh & Chăm sóc trẻ sơ sinh có dị tật bẩm sinh</i>							2	1	0			
43	13324313	<i>Điều dưỡng sức khỏe sinh sản và thai nghén</i>							2	2	0			
44	13303304	<i>Lâm sàng điều dưỡng Sản phụ khoa 1</i>							0	0	3			
45	13323303	<i>Điều dưỡng trong</i>							2	1	0			

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
		<i>chăm sóc chuyên da và sinh đẻ</i>												
46	13403306	<i>Lâm sàng điều dưỡng Sản phụ khoa 2</i>							0	0	4			
47	13323305	<i>Điều dưỡng trong chăm sóc sau đẻ - KHHGD</i>							2	1	0			
48	13404312	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản 3</i>							0	0	4			
49	13223308	<i>Điều dưỡng sản phụ khoa nâng cao</i>							2	0	0			
50	13223307	<i>Vô sinh</i>							2	0	0			
51	13204314	<i>Thực tập cộng đồng</i>							0	0	2			
Điều dưỡng nha khoa (59TC)														
27	22223316	<i>Dịch tễ học và điều dưỡng người bệnh truyền nhiễm.</i>										2	0	0
28	22203317	<i>Thực hành lâm sàng Điều dưỡng truyền nhiễm</i>										0	0	2
29	22223318	<i>Điều dưỡng hồi sức cấp cứu</i>										2	0	0
30	22203319	<i>Thực hành lâm sàng điều dưỡng hồi sức cấp cứu</i>										0	0	2
31	17223309	<i>Điều dưỡng chuyên khoa (Mắt-Da liễu-</i>										2	0	0

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
		TMH-RHM)												
32	13113318	Điều dưỡng Sản phụ khoa										1	0	0
33	13103319	Thực hành lâm sàng điều dưỡng SPK										0	0	1
34	14113305	Điều dưỡng nhi khoa										1	0	0
35	14203306	Thực hành lâm sàng điều dưỡng nhi khoa										0	0	2
36	11222311	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1										2	0	0
37	12112305	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1										1	0	0
38	22202310	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn nội khoa 1										0	0	2
39	22202311	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1										0	0	2
40	11222312	Điều dưỡng người lớn nội khoa 2										2	0	0
41	12112306	Điều dưỡng người lớn ngoại 2										1	0	0
42	22202314	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn nội khoa 2										0	0	2
43	22202315	Thực hành lâm sàng điều dưỡng người lớn ngoại khoa 2										0	0	2

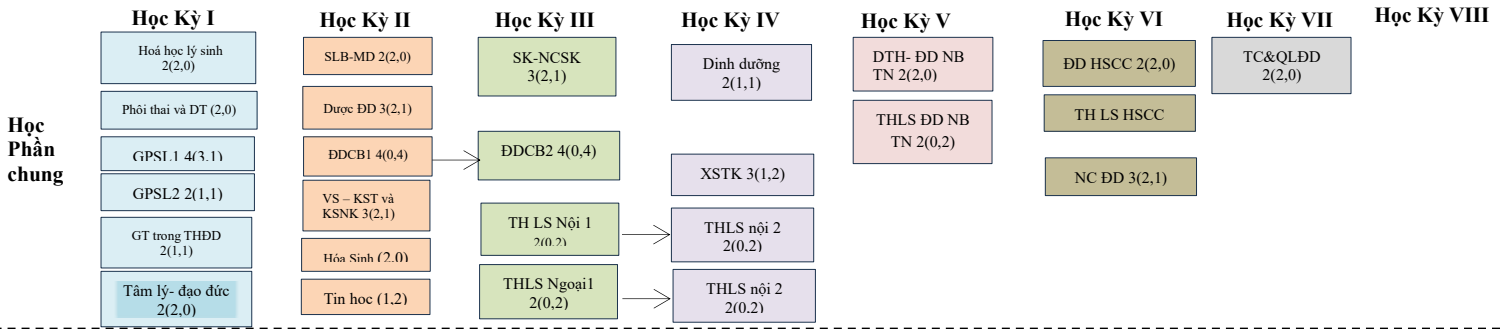
TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
44	18422201	Nha cơ sở										2	2	0
45	18312202	Vật liệu nha khoa										1	2	0
46	18443304	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa răng hàm mặt										4	0	0
47	18204309	Điều dưỡng cơ bản răng hàm mặt										0	2	0
48	18313306	Kỹ thuật dự phòng nha khoa										1	2	0
49	18213305	Giáo dục nha khoa										1	1	0
50	18213203	Sử dụng, bảo trì trang thiết bị nha khoa										1	1	0
51	18203307	Thực tập lâm sàng điều dưỡng nha học đường										0	0	2
52	18404310	Thực tập lâm sàng điều dưỡng răng miệng										0	0	4
53	18404311	Thực tập lâm sàng điều dưỡng hàm mặt										0	0	4
2.2.2. Các học phần tự chọn (Chuyên ngành SPK chọn 4 TC, các chuyên ngành còn lại chọn 2 TC trong các HP dưới đây)														
1	21202207	Thực hành lâm sàng Điều dưỡng phòng mổ	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2
2	24214433	Điều dưỡng thẩm hoa	1	1	0	0	0	2	0	0	2	0	0	2
3	22214424	Điều dưỡng người	1	0	1	1	1	0	1	1	0	1	1	0

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
		<i>bệnh ung thư và Chăm sóc giảm nhẹ</i>												
4	22214425	<i>Chăm sóc vết thương</i>	1	0	1	1	0	1	1	0	1	1	0	1
5	21204405	<i>Khám thể chất</i>	0	2	0	1	0	1	1	0	1	1	0	1
6	20214437	<i>Điều dưỡng người bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng nâng cao</i>	1	0	1	0	2	0	0	2	0	0	2	0
7	20214438	<i>Điều dưỡng người bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt nâng cao</i>	1	0	1	1	0	1	1	0	1	1	0	1
8	20214439	<i>Điều dưỡng người bệnh chuyên khoa Mắt nâng cao</i>	1	0	1	1	0	1	1	0	1	1	0	1
9	20214440	<i>Điều dưỡng người bệnh chuyên khoa Da Liễu nâng cao</i>	1	0	1	1	0	1	1	0	1	1	0	1
10	19224409	<i>Điều dưỡng gây mê hồi sức chuyên khoa bệnh lý 2</i>	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
11	19224410	<i>Điều dưỡng gây mê hồi sức chuyên khoa lẻ</i>	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
12	19114411	<i>Điều dưỡng gây mê hồi sức phẫu thuật thẩm mỹ</i>	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0
13	19114412	<i>Điều dưỡng gây mê</i>	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
		<i>hồi sức phẫu thuật tim mạch và tuần hoàn</i>												
14	19114413	<i>Điều dưỡng gây mê hồi sức phẫu thuật phổi</i>	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0
15	13224409	<i>Nam học</i>	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
16	13224410	<i>HIV/AIDS và thai nghén</i>	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
17	18224308	<i>Cấp cứu răng miệng</i>	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
2.3. Nội dung tốt nghiệp (SV lựa chọn 1 trong 2 nội dung)														
Điều dưỡng đa khoa														
1	20804536	<i>Thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp tay nghề</i>	0	0	5									
	20213450	<i>HP bổ sung Chăm sóc người bệnh phức tạp</i>	1	0	2									
2	20804535	<i>Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp</i>	0	0	8									
Điều dưỡng gây mê hồi sức														
1	19804515	<i>Thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp tay nghề</i>				0	0	8						
2	19804516	<i>Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp</i>				0	0	8						

TT	Mã HP	Tên HP	Điều dưỡng đa khoa			Điều dưỡng GMHS			Điều dưỡng SPK			Điều dưỡng nha khoa		
			LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS	LT	TH	LS
Điều dưỡng sản phụ khoa														
1	13504516	Thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp tay nghề							0	0	5			
	13324517	HP bổ sung Chăm sóc phụ nữ mang thai và sinh đẻ							2	1	0			
2	13804515	Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp							0	0	8			
Điều dưỡng nha khoa														
1	18504313	Thực tập tốt nghiệp										0	0	5
	18324412	HP bổ sung Nha khoa thực hành										2	1	0
2	18504313	Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp										0	0	8
Tổng			138			138			138			138		

Trình tự đào tạo, mối liên quan giữa các học phần ngành ĐD (Điều dưỡng ĐK, ĐD GMHS, ĐD SPK, ĐD Nha)



HP khác nhau các CN

